

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2022

Thực hiện Công văn số 331/SNV-CCHC&TCPCP ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thời gian ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Kế hoạch số 01/KH-SDL ngày 13 tháng 01 năm 2022 về Công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2022.

Sở Du lịch báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC Quý I và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2022 với nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC:

1. Việc ban hành các văn bản về CCHC:

Kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC; chỉ đạo xây dựng kế hoạch CCHC năm 2022 theo hướng dẫn và đã tổ chức triển khai, thực hiện nhiệm vụ trong năm 2022 tại Sở Du lịch đề ra 31¹ nhiệm vụ.

Ban hành các Kế hoạch về CCHC trong năm 2022 như: Công tác CCHC²; Kiểm tra CCHC³; Thông tin, tuyên truyền về CCHC⁴; Kiểm soát TTHC⁵; Thông tin, tuyên truyền về kiểm soát TTHC⁶; Tự kiểm tra kiểm soát TTHC⁷.

Trong Quý I, Sở du lịch đã ban hành 89 văn bản chỉ đạo điều hành có liên quan về CCHC, bao gồm: 16 quyết định, 23 kế hoạch, 50 công văn.

2. Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC:

Thực hiện nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch CCHC năm 2022, lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các phòng chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC do phòng phụ trách, chú trọng đảm bảo chất lượng, đúng thẩm quyền và kịp thời.

Trong Quý I đã thực hiện 14/31 nhiệm vụ theo đúng tiến độ và thời gian quy định; đạt 45,2%.

3. Kiểm tra CCHC:

Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 05/KH-SDL ngày 25/01/2022 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022, kiểm tra trực tiếp 02 phòng thuộc Sở

¹ Phụ lục kèm theo Kế hoạch số 01/KH-SDL ngày 13/01/2022 của Sở Du lịch.

² Kế hoạch số 01/KH-SDL ngày 13/01/2022 của Sở Du lịch.

³ Kế hoạch số 05/KH-SDL ngày 25/01/2022 của Sở Du lịch.

⁴ Kế hoạch số 22/KH-SDL ngày 11/3/2022 của Sở Du lịch.

⁵ Kế hoạch số 06/KH-SDL ngày 25/01/2022 của Sở Du lịch.

⁶ Kế hoạch số 17/KH-SDL ngày 04/03/2022 của Sở Du lịch.

⁷ Kế hoạch số 24/KH-SDL ngày 11/03/2022 của Sở Du lịch.

(đảm bảo tỷ lệ 30% số lượng), thời gian tiến hành kiểm tra dự kiến cuối Quý II/2022.

4. Tuyên truyền công tác CCHC:

Sở Du lịch ban hành Kế hoạch số 22/KH-SDL ngày 11/3/2022 về Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2022. Kế hoạch nêu rõ hình thức tuyên truyền và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng thuộc Sở triển khai thực hiện; nội dung tuyên truyền tập trung 06 nhiệm vụ CCHC theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách TTHC; (3) Cải cách tổ chức bộ máy HCNN; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

5. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Thực hiện theo Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Bám sát vào Kế hoạch, ngay từ đầu năm Sở Du lịch đã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo đúng tiến độ đề ra. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thiện 03 Đề án⁸, dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý II/2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ I:

1. Cải cách thể chế

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL tiếp tục được duy trì đảm bảo theo quy định của pháp luật, chú trọng công tác đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có những thay đổi kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế nhằm phát huy tác dụng của các văn bản, có cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động về du lịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Sở đã kịp thời ban hành các kế hoạch: công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁹, Kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022¹⁰, Theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực du lịch¹¹ và kế hoạch về pháp chế như: Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022¹².

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

⁸ (1) Đề án phát triển các sản phẩm ngành nghề truyền thống gắn với du lịch; (2) Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; (3) Đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

⁹ Kế hoạch số 19/KH-SDL ngày 09/3/2022 của Sở Du lịch.

¹⁰ Kế hoạch số 20/KH-SDL ngày 09/3/2022 của Sở Du lịch.

¹¹ Kế hoạch số 21/KH-SDL ngày 09/3/2022 của Sở Du lịch.

¹² Kế hoạch số 55/KH-SDL ngày 30/11/2021 của Sở Du lịch

Sở Du lịch thường xuyên rà soát các quy định về TTHC tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Du lịch.

Trong Quý I, Sở Du lịch công bố 01 TTHC sửa đổi theo Quyết định số 3556/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2021 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch; đang triển khai rà soát lại danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch theo tinh thần Công văn số 1682/VP-HCC ngày 09/3/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện theo Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 7/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Du lịch đang tiến hành rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đăng ký cắt giảm và đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong năm 2022.

2.2. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch là 27 thủ tục, được niêm yết công khai trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang và Trang Thông tin điện tử Sở Du lịch.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Thường xuyên duy trì việc thực hiện cơ chế một cửa có hiệu quả, đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, bố trí nhân viên có năng lực về chuyên môn và phẩm chất đạo đức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh.

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được cập nhật, niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh

Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền nhận giải quyết: 23 hồ sơ¹³. Trong đó, hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 22 hồ sơ (05 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, 17 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp qua dịch vụ bưu chính); hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 01 hồ sơ.

Kết quả giải quyết: đã giải quyết 16 hồ sơ (08 hồ sơ sớm hạn, 08 hồ sơ đúng hạn), trả về 07 hồ sơ.

Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Công tác tiếp dân, tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật. Trong quý I năm 2022, Sở Du lịch không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo nào của cá nhân, tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về việc giải quyết TTHC của Sở.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức

Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ,

¹³ Số liệu ước tính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn> từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/3/2022.

quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sở Du lịch ban hành Tờ trình số 09/TTr-SDL ngày 11/02/2022 về việc ban hành lại quyết định quy định vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang, trình UBND tỉnh phê duyệt thay thế cho Quyết định 1461/QĐ-UBND và Quyết định 2079/QĐ-UBND.

3.2. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại tại cơ quan

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Trong Quý I, Sở Du lịch đã xây dựng hoàn thiện Đề án tổ chức lại Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt;

3.3. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức

Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao biên chế công chức hành chính năm 2022.

Sở Du lịch phân bổ biên chế công chức cho các phòng thuộc Sở đảm bảo số lượng biên chế được giao¹⁴ theo Công văn số 88/UBND-NC ngày 13/01/2022; Chấm dứt 01 hợp đồng lao động¹⁵; ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2022¹⁶; Điều động 03 công chức¹⁷.

3.4. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Trong quý I, Sở đã thực hiện đúng các quy định, quy trình về sử dụng, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức trong đơn vị theo phân cấp quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ

- *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức:* xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm của Sở Du lịch.

- *Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức:* Trong quý I, Sở Du lịch không có trường hợp tuyển dụng mới.

- *Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức:* Trong quý I, Sở Du lịch đã bổ nhiệm 01 công chức giữ chức vụ Trưởng phòng¹⁸.

¹⁴ Quyết định số 04/QĐ-SDL ngày 17/01/2022 của Sở Du lịch.

¹⁵ Quyết định số 07/QĐ-SDL ngày 24/01/2022 của Sở Du lịch.

¹⁶ Kế hoạch số 11/KH-SDL ngày 11/02/2022 của Sở Du lịch.

¹⁷ Quyết định số 10/QĐ-SDL ngày 10/02/2022, Quyết định số 11/QĐ-SDL ngày 10/02/2022, Quyết định số 12/QĐ-SDL ngày 18/02/2022 của Sở Du lịch.

¹⁸ Quyết định số 08/QĐ-SDL ngày 26/01/2022 của Sở Du lịch.

- *Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức và thi cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại cơ quan:* không có.

- *Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức:* ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ tại Sở Du lịch năm 2022¹⁹.

- *Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:* Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022. Lập danh sách: đăng ký 02 công chức học lớp chức danh lãnh đạo cấp phòng năm 2022²⁰; cử cán bộ tham gia tập huấn về Kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại đơn vị học tập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang²¹.

5. Cải cách tài chính công

Kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính sự nghiệp tại Sở Du lịch: được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên, đảm bảo thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Trong Quý I, Sở Du lịch ban hành Công văn số 148/SDL-VP ngày 04/03/2022 của Sở Du lịch báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công: nguồn vốn đầu tư công của Sở Du lịch được UBND tỉnh giao là 51 tỷ đồng, giải ngân đến hết ngày 15/3/2022 được 1,647 tỷ đồng, đạt 3,23% kế hoạch vốn²².

Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Ban hành Quyết định số 01/QĐ-SDL ngày 03/01/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022. Việc sử dụng biên chế, kinh phí nhà nước, mua sắm, sửa chữa, văn phòng phẩm... và sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Sở Du lịch đã ban hành Kế hoạch 06/KH-SDL ngày 04/02/2021 của Sở Du lịch Kiên Giang về Chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trong lĩnh vực du lịch.

Thực hiện Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang, Sở Du lịch đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

¹⁹ Kế hoạch số 25/KH-SDL ngày 11/3/2022 của Sở Du lịch.

²⁰ Danh sách 20/DS-SDL ngày 09/3/2022 của Sở Du lịch.

²¹ Danh sách 21/DS-SDL ngày 14/3/2022 của Sở Du lịch.

²² Số liệu cập nhật theo báo cáo tháng 3/2022 của Sở Du lịch.

trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Kiên Giang, năm 2022²³.

Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử của Sở; Tin tức, bài viết đưa lên Trang thông tin điện tử đảm bảo về nội dung lẫn hình thức và luôn mang tính thời sự. Các thông tin được cung cấp chủ yếu là thông tin về hoạt động của du lịch, các thông tin chỉ đạo, điều hành, các văn bản chính sách pháp luật chuyên ngành,...

Về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO: Ban hành Kế hoạch duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (TCVN ISO 9001:2015) tại Sở Du lịch năm 2022²⁴, đáp ứng yêu cầu, chuẩn hóa các hoạt động nội bộ của ngành du lịch.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ CCHC được lãnh đạo Sở chỉ đạo quyết liệt, sâu sát từ khâu xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC; Chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch công tác CCHC năm 2022 của đơn vị cũng như các văn bản của cấp trên. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng công tác CCHC Quý I của Sở Du lịch thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

Sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả trong giải quyết các thủ tục hành chính góp phần đem đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đúng hạn đạt tỷ lệ cao (100%). Các TTHC được duy trì nghiêm yết theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện nghiêm túc; công tác tài chính công công khai, minh bạch.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác tuyên truyền về CCHC, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên. Nguyên nhân khách quan do tình hình dịch bệnh kéo dài không tập hợp đông người nên việc tổ chức trực tiếp chưa được triển khai, chỉ gửi tài liệu qua thư điện tử, lồng ghép vào các cuộc thẩm định, thanh tra, kiểm tra cho tổ chức, cá nhân tự nghiên cứu.

Sở Du lịch đã trình UBND tỉnh công bố sửa đổi 01 TTHC trong lĩnh vực du lịch theo Quyết định số 3556/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2021 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch²⁵. Tuy nhiên, thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại điểm 9 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 đã hết hiệu lực nhưng chưa có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch nên Sở chưa trình UBND tỉnh công bố danh mục TTHC bị hủy bỏ theo quy định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM QUÝ II

²³ Kế hoạch số 23/KH-SDL ngày 11/3/2022 của Sở Du lịch.

²⁴ Kế hoạch số 16/KH-SDL ngày 04/3/2022 của Sở Du lịch.

²⁵ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh.

Thứ nhất, xây dựng Kế hoạch Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

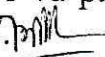
Thứ hai, tiếp tục rà soát, tham mưu trình UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC khi có TTHC mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung theo quy định. Tiến hành rà soát, đánh giá và đề xuất đơn giản hóa TTHC; Số hóa kết quả giải quyết TTHC.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

Thứ tư, tiếp tục duy trì và ứng dụng các chương trình, phần mềm dùng chung của tỉnh đã được triển khai. Đảm bảo 100% công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi văn bản có liên quan.

Thứ năm, tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số CCHC của Sở Du lịch theo Bộ tiêu chí của Sở Nội vụ.

Thứ sáu, Báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2022.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2022 của Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang. 

Nơi nhận: 

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, lbtuyen.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chí Thanh



UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Quý I, năm 2022)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 42 /BC-SDL, ngày 17/3/ 2022 của Sở Du lịch Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	Kế hoạch số 01/KH-SDL ngày 13/01/2022
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	89	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Kế hoạch số 05/KH-SDL ngày 25/01/2022
1.2.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	27	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	2	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	27	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	27	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	27	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	27	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	27	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	27	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	26	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	4	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	Đơn vị		
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	412	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	87,62%	361/412



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	8,50%	35/412
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	27	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	21,74%	5/23 hồ sơ



 BỘ NỘI VỤ

